Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0303.45.10

Mã HS	0303.45.10
Mô tả hàng hóa	Cá, đông lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Cá ngừ đại dương (thuộc giống Thunus), cá ngừ vằn (cá ngừ sọc dưa) (Katsuwonus pelamis), trừ các phụ phẩm ăn được sau giết mổ của cá thuộc các phân nhóm từ 0303.91 đến 0303.99: / - - Cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương và Thái Bình Dương (Thunnus thynnus, Thunnus orientalis): / - - - Cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương (Thunnus thynnus)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	07/11/2026 13:54:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03034510/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	21	21%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K386
Thuế NK ưu đãi (MFN)	14	14%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N386
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q386
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ386
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, MY)	0% (trừ ID, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E380
ATIGA	2022	2022	0	AT!E381
ATIGA	2023	2023	0	AT!F381
ATIGA	2024	2024	0	AT!G381
ATIGA	2025	2025	0	AT!H381
ATIGA	2026	2026	0	AT!I381
ATIGA	2027	2027	0	AT!J381
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E383
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F383
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G383
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H383

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I383
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J383
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E381
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F381
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G381
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H381
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I381
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J381
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F381
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H380
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F383
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G383
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H383
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I383
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J383
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K383
VKFTA	2022	2022	0	VK!E381
VKFTA	2023	2023	0	VK!F381
VKFTA	2024	2024	0	VK!G381
VKFTA	2025	2025	0	VK!H381
VKFTA	2026	2026	0	VK!I381
VKFTA	2027	2027	0	VK!J381
VCFTA	2022	2022	4	VC!D382
VCFTA	2023	2023	2	VC!E382
VCFTA	2024	2024	0	VC!F382
VCFTA	2025	2025	0	VC!G382

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H382
VCFTA	2027	2027	0	VC!I382
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D383
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E383
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F383
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G383
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H383
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I383
AHKFTA	2022	2022	8	AKH!D382
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E382
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F382
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G382
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H382
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I382
EVFTA	2022	2022	3,5	EV-NK!D380
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E380
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F380
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G380
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H380
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I380
UKVFTA	2022	2022	3,5	UKV!D382
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E382
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F382
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G382
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H382
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I382

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D382
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E382
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F382
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G382
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H382
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I382
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J382
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D381
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E381
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F381
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G381
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H381
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I381
RCEP B	2022	2022	0	B!D381
RCEP B	2023	2023	0	B!E381
RCEP B	2024	2024	0	B!F381
RCEP B	2025	2025	0	B!G381
RCEP B	2026	2026	0	B!H381
RCEP B	2027	2027	0	B!I381
RCEP C	2022	2022	0	C!D381
RCEP C	2023	2023	0	C!E381
RCEP C	2024	2024	0	C!F381
RCEP C	2025	2025	0	C!G381
RCEP C	2026	2026	0	C!H381
RCEP C	2027	2027	0	C!I381
RCEP D	2022	2022	0	D!D381

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E381
RCEP D	2024	2024	0	D!F381
RCEP D	2025	2025	0	D!G381
RCEP D	2026	2026	0	D!H381
RCEP D	2027	2027	0	D!I381
RCEP E	2022	2022	0	E!D381
RCEP E	2023	2023	0	E!E381
RCEP E	2024	2024	0	E!F381
RCEP E	2025	2025	0	E!G381
RCEP E	2026	2026	0	E!H381
RCEP E	2027	2027	0	E!I381
RCEP F	2022	2022	0	F!D381
RCEP F	2023	2023	0	F!E381
RCEP F	2024	2024	0	F!F381
RCEP F	2025	2025	0	F!G381
RCEP F	2026	2026	0	F!H381
RCEP F	2027	2027	0	F!I381
VIFTA	2024	2024	*	VI!F363
VIFTA	2025	2025	*	VI!G363
VIFTA	2026	2026	*	VI!H363
VIFTA	2027	2027	*	VI!I363

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0303.45 có 2 dòng thuế; dòng 0303.45.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương (Thunnus thynnus).	0303.45.90 Cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương (Thunnus orientalis)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0303.45.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 14% của mã 0303.45.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N386), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.